

Số:...../BVHTTDL-DSVH

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
XÂY DỰNG LUẬT DI SẢN VĂN HÓA (SỬA ĐỔI)**

Kính gửi: Chính phủ

PHẦN A

XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

1.1. Bối cảnh trong nước

- Quá trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa của Việt Nam được hình thành và tiếp nối trên một chặng đường lịch sử từ ngày thành lập nước tới nay. Chỉ chưa đầy 3 tháng sau khi đất nước giành được độc lập, ngày 23/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 65/SL, trong đó nêu rõ: “Việc bảo tồn cổ tích là việc rất cần trong công cuộc kiến thiết nước Việt Nam”. Đây là Sắc lệnh đầu tiên của Nhà nước ta về việc bảo tồn di sản văn hóa dân tộc. Năm 1957, khi đất nước mới bước ra từ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29/10/1957, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 519/TTg quy định thể lệ về bảo tồn cổ tích. Sau khi đất nước thống nhất, ngày 04/4/1984, Hội đồng nhà nước Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Pháp lệnh số 14 LCT/HĐNN về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh. Bước vào thời kỳ đổi mới, mở cửa, hội nhập quốc tế, đồng thời, để thể chế hóa quy định của Hiến pháp năm 1992 và tinh thần của Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII), cuối năm 1998, việc soạn thảo Luật Di sản văn hóa đã được triển khai.

- Luật Di sản văn hóa được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X thông qua tại kỳ họp thứ 9, ngày 29/6/2001, có hiệu lực từ ngày 01/01/2002 và được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009. Với 74 điều, thể hiện trong 07 Chương, Luật Di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (sau đây gọi chung là Luật Di sản văn hóa) đã cụ thể hóa chính sách bảo tồn, phát huy các di sản văn hoá dân tộc tại Hiến pháp năm 1992, thể chế hóa định hướng xây dựng “Chính sách bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc hướng cả vào văn hóa vật thể và phi vật thể” theo quan điểm Đảng tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương

Đảng (Khoá VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần khẳng định rõ quan điểm: *“Di sản văn hoá là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hoá. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống (bác học và dân gian), văn hoá cách mạng, bao gồm cả văn hoá vật thể và phi vật thể”*¹.

- Sau khi Luật Di sản văn hóa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa được thông qua và có hiệu lực thi hành, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước tiếp tục được ban hành nhằm tăng cường định hướng cho hoạt động văn hóa, trong đó có công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Cụ thể như:

+ Nghị quyết số 33-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI xác định, việc *“Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa”* là một trong sáu nhiệm vụ quan trọng, trong đó có việc *“Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc. Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch. Phục hồi và bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một. Phát huy các di sản được UNESCO công nhận, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam”*. Và, *“Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng”*².

+ Trong Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI, ngoài việc quán triệt thực hiện có hiệu quả, tạo chuyển biến sâu sắc, toàn diện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đã nêu trong Nghị quyết số 33-NQ/TW, Trung ương còn nhấn mạnh: *“Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hoá. Xử lý hài hoà giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá các dân tộc với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững ở các địa phương, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam. Chú trọng thực hiện các chương trình phục hồi, bảo tồn một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một; giữ gìn và phát huy di sản văn hoá các dân tộc thiểu số, các giá trị văn hoá trong tôn giáo, tín ngưỡng”*³.

¹ Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá VIII về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

² Nghị quyết 33-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

³ Kết luận số Số 76-KL/TW ngày 4/6 /2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

+ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng định hướng: *“Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hoá. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”*. Và, xác định việc *“Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số”* là một trong những việc trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII (2021 - 2026)⁴.

+ Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định, việc *“quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền, của đồng bào các dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại, phát triển “sức mạnh mềm” của văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia trong thời gian tới”*⁵ là một trong những giải pháp để chấn hưng văn hóa dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

- Tình hình kinh tế - xã hội hiện nay của đất nước đã có nhiều thay đổi so với thời điểm ban hành Luật Di sản văn hóa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, tác động và làm thay đổi đến nhận thức và cách tiếp cận trong công tác bảo vệ di sản văn hóa. Cụ thể:

+ Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xu thế phát triển hiện nay, yếu tố thương mại trực tiếp tác động vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có di sản văn hóa. Theo đó, di sản văn hóa, đối tượng luôn được quan tâm, chú trọng bảo tồn, ngoài vai trò đảm đương những chức năng về văn hóa, còn được xác định là một nguồn “tài nguyên” quan trọng cần được phát huy giá trị để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là hoạt động du lịch:

Các di tích, danh lam thắng cảnh sau khi được xếp hạng, ghi danh và được tu bổ, tôn tạo đã trở thành địa chỉ thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế: Quần thể di tích Cố đô Huế và Vịnh Hạ Long từ khi mới được ghi danh là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới chỉ có vài chục nghìn khách du lịch, đến nay đã thu hút tới hàng triệu khách tới tham quan, nghiên cứu. Quần thể danh thắng Tràng An, thời điểm lập hồ sơ đề cử năm 2012 chỉ có trên 01 triệu lượt khách, đến năm 2019 (sau 05 năm được UNESCO ghi danh) đã thu hút hơn 6,3 triệu lượt khách. Việc bảo vệ và phát huy, khai thác hợp lý Khu phố cổ Hội An gắn với phát triển du lịch - dịch vụ và thương mại đã giúp Hội An thay đổi cơ cấu kinh tế, với số lượng khách tham quan Khu phố cổ

⁴ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

⁵ Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021

Hội An ngày càng tăng, từ gần 879 nghìn khách năm 2006 đến năm 2019, lượng khách đã tăng lên gần 2,5 triệu lượt. Trong 20 năm qua (từ khi Khu phố cổ Hội An trở thành Di sản thế giới), nguồn thu từ du lịch dịch vụ trên cơ sở khai thác giá trị di sản đã tăng vượt bậc, hiện chiếm tỷ trọng hơn 70% so với GDP toàn thành phố. Đặc biệt, Thừa Thiên Huế là tỉnh đầu tiên xây dựng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội dựa trên cơ sở bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, xác định mục tiêu: “Đến năm 2025, Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh”.

Đó là những minh chứng cụ thể về vị trí, vai trò, giá trị của di sản văn hóa trong việc phát triển kinh tế - xã hội tại một số địa phương hiện nay.

+ Bên cạnh những mặt tích cực, quá trình phát triển kinh tế - xã hội cũng tạo ra những thách thức không nhỏ cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, đòi hỏi phải có những giải pháp cụ thể để xử lý hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển bền vững, vì mục tiêu phát triển bền vững.

+ Từ yêu cầu của thực tiễn, việc tăng cường khuyến khích, huy động các lực lượng xã hội tích cực tham gia khai thác, bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa dưới hình thức phối hợp công - tư cũng đang là vấn đề cấp thiết đặt ra.

- Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội, nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến lĩnh vực di sản văn hóa đã được ban hành, như Hiến pháp năm 2013, Luật Đất đai năm 2013, Luật Đầu tư năm 2020, Bộ luật Dân sự năm 2015... Do vậy, một số quy định của Luật Di sản văn hóa trở nên lỗi thời, thiếu tính khả thi, không tương thích các văn bản quy phạm pháp luật mới và không còn phù hợp với thực tiễn.

Ngày 12/7/2021, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Chương trình hành động của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-BVHTTDL). Theo đó, Bộ đã đưa nhiệm vụ xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) trình Quốc hội năm 2023.

Ngày 30/8/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 99/NQCP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2026, trong đó giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi).

- Ngày 16/12/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội XV (Quyết định 2114/QĐ-TTg).

1.2. Bối cảnh quốc tế

Cùng với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, việc đẩy mạnh công nghiệp văn hóa, phát huy sức mạnh mềm của văn hóa, tăng cường chuyển đổi số⁶ đang được các nước chú trọng. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng diễn ra vào ngày 24/11/2021 tại Hà Nội, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới là: *“Phát triển ‘sức mạnh mềm’ của văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia trong thời gian tới”*⁷.

Trong sự phát triển chung, trên thế giới hiện có 03 khuynh hướng về bảo vệ và phát huy giá trị di sản, đó là:

- 1) Bảo tồn di sản tốt nhưng không chú trọng khai thác giá trị kinh tế.
- 2) Khai thác tối đa giá trị di sản phục vụ lợi ích kinh tế.
- 3) Xử lý hài hòa giữa bảo tồn di sản với phát triển kinh tế - xã hội gắn với mục tiêu phát triển bền vững.

Trong đó, khuynh hướng 1 và 2 mang tính cực đoan, khuynh hướng xử lý hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản với phát triển kinh tế - xã hội gắn với mục tiêu phát triển bền vững là tối ưu nhất, được nhiều quốc gia lựa chọn, UNESCO khuyến khích, phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam hiện nay - Quan điểm, định hướng chỉ đạo của Đảng khẳng định: *“Xây dựng cơ chế để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội”*⁸. Và, *“Xử lý hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá các dân tộc với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững ở các địa phương, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam”*⁹.

Về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực di sản văn hóa, Việt Nam đã tham gia Công ước UNIDROIT về tài sản văn hóa bị đánh cắp hay xuất khẩu trái phép (1970), Công ước của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới (1972), Công ước của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (2003), Công ước của UNESCO về bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa (2005). Sắp tới, sẽ tham gia Công ước của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa dưới nước (2001). Hiện tại, Việt Nam đã có 08 di sản văn hóa và thiên nhiên; 14 di sản văn hóa phi vật thể (bao gồm 13 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, 01 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp) và 07 di sản tư liệu (gồm 03 Di sản tư liệu thế giới và 04 Di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương).

⁶ Năm 2013, UNESCO thông qua Hiến chương về di sản số, trong đó khuyến khích các quốc gia trên thế giới xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) về di sản văn hóa dưới dạng số nhằm mục tiêu tăng cường nhận thức, chia sẻ, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung.

⁷ Bài phát biểu của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc

⁸ Nghị quyết 33-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

⁹ Kết luận số Số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

Bên cạnh việc là thành viên thực hiện các Công ước quốc tế liên quan tới di sản văn hóa đã tham gia, Việt Nam còn đang giữ vai trò là thành viên Ủy ban liên Chính phủ Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (2003) nhiệm kỳ 2022 - 2026, Phó Chủ tịch Ủy ban Chương trình Ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương (MOWCAP) của UNESCO. Đó là cơ hội thuận lợi để Việt Nam tiếp tục đóng góp một cách chủ động, tích cực hơn nữa trong các chương trình, định hướng lớn của UNESCO nói chung, về văn hóa nói riêng và quảng bá rộng rãi hơn nữa những giá trị đặc sắc của văn hóa, con người Việt Nam trên trường quốc tế.

1.3. Những tồn tại, hạn chế của Luật Di sản văn hóa đòi hỏi phải khắc phục trong Luật Di sản văn hóa (sửa đổi)

Sau hơn 20 năm thực hiện Luật Di sản văn hóa, các chủ trương, chính sách và phát luật về di sản văn hóa đã đi vào thực tiễn cuộc sống, đưa sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc tiến thêm một bước quan trọng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, quảng bá rộng rãi hình ảnh, đất nước Việt Nam trên trường quốc tế.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, qua hơn 20 năm thực thi Luật Di sản văn hóa, 13 năm thực thi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hệ thống lý luận và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn, một số nội dung trong Luật Di sản văn hóa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa đã bộc lộ hạn chế, bất cập so với yêu cầu thực tiễn, cụ thể:

Thứ nhất, Luật Di sản văn hóa, ban hành năm 2001, sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2009 là sự cụ thể hóa tinh thần Hiến pháp năm 1992, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về di sản văn hóa trong Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII). Từ thời điểm Luật được ban hành, được sửa đổi, bổ sung đến nay, Hiến pháp năm 1992 được thay thế bằng Hiến pháp năm 2013, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa nói chung, di sản văn hóa nói riêng cũng được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tiễn (Nghị quyết số 33-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII...). Vì vậy, việc khuyết thiếu những tinh thần của Hiến pháp mới, Nghị quyết mới trong Luật Di sản văn hóa được xem như vấn đề hạn chế do điều kiện khách quan. Cụ thể, Luật di sản văn hóa chỉ quy định về các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa để nhằm sử dụng (di sản văn hóa) vào 03 mục đích:

- “1. Phát huy giá trị di sản văn hóa vì lợi ích của toàn xã hội;*
- 2. Phát huy truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam;*
- 3. Góp phần sáng tạo những giá trị văn hóa mới, làm giàu kho tàng di sản văn hóa Việt Nam và mở rộng giao lưu văn hóa quốc tế”.*

Trong khi đó, tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW, Kết luận số Số 76-KL/TW lại đưa ra những yêu cầu cao và cụ thể hơn, đó là: *“Xây dựng cơ chế*

*để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội*¹⁰. Và, “*Xử lý hài hoà giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá các dân tộc với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch bền vững ở các địa phương, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam*”¹¹.

Thứ hai, do xuất phát từ yêu cầu thực tiễn công tác quản lý di sản văn hóa, phạm vi điều chỉnh của Luật Di sản văn hóa chưa bao quát hết mọi đối tượng; một số quy định chung, quy định đặc thù (theo từng lĩnh vực) để nhận diện, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa còn thiếu hoặc tính khả thi không cao hoặc không còn phù hợp.

Thứ ba, chính sách phân cấp quản lý di sản văn đã được quy định trong Luật nhưng thiếu quy định chi tiết để triển khai thống nhất nên hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về di sản văn hóa chưa cao.

Thứ tư, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đóng góp, tài trợ cho bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa chưa thực sự thu hút được đông đảo các lực lượng xã hội tích cực tham gia đầu tư vào công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Để thể chế hóa đầy đủ tinh thần Hiến pháp năm 2013, các quan điểm, định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước, phát huy những kết quả tích cực đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế, nhằm phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội, cần thiết phải ban hành Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) trên cơ sở kế thừa Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009...

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Việc xây dựng và ban hành Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) sẽ khắc phục được hạn chế, bất cập của pháp luật về di sản văn hóa, hoàn thiện hành lang pháp lý về di sản văn hóa theo mục tiêu sau:

2.1. Mục tiêu chung

- Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, Hiến pháp năm 2013 và điều ước quốc tế có liên quan để hoàn thiện hành lang pháp lý về di sản văn hóa đảm bảo yêu cầu về sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật và yêu cầu mới phát sinh trong thực tiễn;

- Khắc phục những bất cập của cơ chế chính sách để có hệ thống cơ chế, chính sách hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

¹⁰ Nghị quyết 33-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

¹¹ Kết luận số Số 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, Hiến pháp năm 2013 và điều ước quốc tế có liên quan nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

- Hoàn thiện quy định pháp luật về di sản văn hóa để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, các lực lượng xã hội tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Góp phần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội vì mục tiêu phát triển bền vững.

PHẦN B

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Để đạt được các mục tiêu trên, sau khi rà soát các quy định của Luật Di sản văn hóa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, cùng hệ thống pháp luật hiện hành; xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và kinh nghiệm của một số quốc gia, đề xuất xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) tập trung giải quyết đối với 03 nhóm chính sách mới sau đây:

- **Chính sách 1:** *Hoàn thiện các quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa*

- **Chính sách 2:** *Hoàn thiện các quy định về thực hiện phân cấp quản lý nhà nước về di sản văn hóa phù hợp với thực tiễn*

- **Chính sách 3:** *Hoàn thiện các quy định về huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa*

I. Chính sách 1: Hoàn thiện các quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

1. Xác định vấn đề bất cập

b) Vấn đề 01: *Quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong từng lĩnh vực (di sản văn hóa phi vật thể; di tích; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; bảo tàng) chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với mục tiêu phát triển bền vững:*

+ Về bất cập chung:

Luật Di sản văn hóa đã quy định cụ thể về trình tự, thủ tục kiểm kê, xếp hạng di tích các cấp, đưa di sản văn hóa vào các danh sách của UNESCO, Danh mục di sản văn hóa quốc gia, công nhận bảo vật quốc gia. Tuy nhiên, Luật đang thiếu những quy định, chế tài, thủ tục hành chính cần thiết để tiến hành bãi bỏ quyết định công nhận di tích hoặc đưa ra khỏi các danh sách khi di sản văn hóa được xác định không hoặc không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định của Luật.

Những di sản văn hóa được kiểm kê, xếp hạng di tích các cấp, đưa vào các danh sách của UNESCO, Danh mục di sản văn hóa quốc gia, công nhận bảo vật quốc gia, thường mang tính tiêu biểu hoặc đại diện (theo từng cấp độ, dựa trên giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học của di sản).

Do đó, việc thiếu quy định bắt buộc triển khai các biện pháp bảo vệ phù hợp (như lập và triển khai kế hoạch, chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản...) sau khi di sản được kiểm kê, xếp hạng di tích các cấp, đưa vào các danh sách của UNESCO, Danh mục di sản văn hóa quốc gia, công nhận bảo vật quốc gia không tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phù hợp, nhằm ngăn chặn sớm các nguy cơ di sản bị xâm hại,

hủy hoại, mặc dù giá trị của di sản đã được các cơ quan nghiên cứu, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận và thẩm định.

Tác động trực tiếp, để nhận thấy của việc thiếu những quy định nêu trên là:

- Một số di sản văn hóa sau khi được kiểm kê, xếp hạng di tích các cấp, đưa vào các danh sách của UNESCO, Danh mục di sản văn hóa quốc gia xét thấy không hoặc không còn đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí theo quy định của Luật nhưng chưa có quy định về thủ tục hành chính để tước bỏ quyết định xếp hạng hoặc đưa ra khỏi các danh sách.

- Nội dung cam kết, biện pháp, phương hướng... bảo vệ và phát huy giá trị di sản đang là một trong những yêu cầu bắt buộc phải có trong hồ sơ khoa học đệ trình UNESCO, hồ sơ khoa học di tích, hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể... nhưng sau khi di sản được xếp hạng, ghi danh, nội dung cam kết, biện pháp, phương hướng... bảo vệ và phát huy giá trị di sản trong hồ sơ không được triển khai cũng không có chế tài xử lý hoặc quy trách nhiệm cụ thể.

+ Về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể:

- Phần lớn di sản văn hóa phi vật thể, đặc biệt là lễ hội ở nước ta gắn với di tích lịch sử - văn hóa. Trong khi các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) thường được tiến hành độc lập. Do đó, hiệu quả bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong tổng thể khó được cải thiện và nâng cao.

- Trong khi việc phân loại di tích được quy định cụ thể trong Luật thì các loại hình di sản văn hóa phi vật thể lại được quy định tại Nghị định số 98/2010/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ)¹², do đó, tính pháp lý của quy định chưa cao, gây ra những khó khăn nhất định cho việc áp dụng triển khai.

- Đối với di sản văn hóa, việc phân loại không đơn giản chỉ có ý nghĩa trong thống kê, kiểm kê, nghiên cứu..., mà còn có ý nghĩa hết sức quan trọng trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa cụ thể. Trong điều kiện thực tiễn, ứng với mỗi loại hình di sản sẽ phù hợp với những biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị mang tính đặc thù riêng.

- Một số quy định đặc thù được quy định trong Luật đối với từng loại hình di sản văn hóa phi vật thể hầu như mới chỉ dừng ở mức độ quy định khung, mang tính khuyến khích, lại chưa bao quát hết mọi đối tượng nên thiếu chế tài tổ chức thực hiện và xử lý vi phạm khi các quy định không đảm bảo được thực thi.

- Khác với di sản văn hóa vật thể, được thể hiện dưới một dạng vật chất cụ thể, di sản văn hóa phi vật thể được hình thành, tồn tại, phát triển, thực hành, truyền dạy, duy trì gắn liền với hoạt động của con người, cộng đồng cụ thể, chỉ được biểu hiện, nhận diện thông qua người thực hành. Mặt khác, cũng do tính

¹² Di sản phi vật thể bao gồm 07 loại hình: (1) Tiếng nói, chữ viết; (2) Ngữ văn dân gian; (3) Nghệ thuật trình diễn dân gian; (4) Tập quán xã hội và tín ngưỡng; (5) Lễ hội truyền thống; (6) Nghề thủ công truyền thống; (7) Tri thức dân gian Điều 2, Nghị định số 98/2010/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ)

đặc thù, di sản văn hóa phi vật thể rất dễ biến đổi trong quá trình trao truyền và thực hành, đặc biệt là do tác động từ ngoại cảnh, trong khi những biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể hiện nay chưa thực sự chú trọng vào chủ thể nắm giữ, thực hành di sản để tạo được cơ chế khuyến khích mạnh mẽ đối với họ trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể...

Hậu quả tác động của việc thiếu hoàn thiện chính sách là do hầu hết các quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể theo loại hình mới chỉ dừng ở mức độ khuyến khích nên rất khó triển khai trong thực tiễn, kéo theo việc hiệu quả, hiệu lực về quản lý nhà nước về di sản văn hóa phi vật thể chưa cao. Hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, cơ bản mới được thực hiện trong phạm vi kiểm kê, lập hồ sơ khoa học để đưa vào các danh sách của UNESCO, Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và một số hoạt động cụ thể khác.

+ Về bảo vệ và phát huy giá trị di tích:

Các vấn đề thăm dò khai quật khảo cổ và thẩm quyền hướng dẫn, thủ tục thăm dò, khai quật khảo cổ; quy định về khu vực bảo vệ II của di tích; đối tượng kiểm kê di tích; quy định trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo vệ đối tượng kiểm kê di tích trong quy định bảo quản, tu bổ, phục hồi đối tượng này; quy định đối tượng các dự án khác không thuộc dự án bảo vệ và phát huy giá trị của di tích, thực hiện trong và ngoài khu vực khoanh vùng bảo vệ của di tích; quy định về thẩm quyền hướng dẫn trình tự, thủ tục thẩm định dự án cải tạo, xây dựng các công trình nằm ngoài các khu vực bảo vệ của di tích... đã được quy định trong Luật nhưng qua thực tế triển khai cũng gặp không ít vướng mắc, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý nhà nước chưa cao. Ví dụ:

- Do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân tồn tại từ lịch sử, hiện tượng vi phạm khoanh vùng bảo vệ di tích vẫn còn xảy ra, khó xử lý dứt điểm do nhiều nơi việc sử dụng đất có di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh chưa được chú trọng tuân thủ theo quy định pháp luật về đất đai.

- Khoản 1 và 2 Điều 37 của Luật đã có quy định về lập quy hoạch khảo cổ nhưng đến nay chưa có cơ sở thực hiện...

+ Về bảo vệ và phát huy giá trị di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia:

Việc quản lý, bảo vệ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tại di tích đã có những kết quả rõ rệt, việc mua bán di vật, cổ vật được minh bạch, số vụ mất cắp cổ vật tại di tích đã giảm hẳn cả về số lượng và mức độ nghiêm trọng. Tuy nhiên, từ hoạt động thực tiễn phát sinh, các hoạt động trao đổi và hợp tác trong nước và quốc tế về nghiên cứu, trưng bày di vật, cổ vật và bảo vật quốc gia ngày càng nhiều, do vậy cần có các quy định cụ thể về điều kiện và yêu cầu; phân cấp cụ thể trong việc cho phép đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra khỏi nơi lưu giữ để tham gia các hợp tác trong nước và nước ngoài. Đồng thời, tạo cơ chế khuyến khích để các cá nhân, tổ chức cùng tham gia với Nhà nước trong việc đưa cổ vật có nguồn gốc từ Việt Nam hiện đang lưu lạc tại nước ngoài về nước.

Một số nội dung bất cập cụ thể như sau:

- Luật Di sản văn hóa chưa quy định về thủ tục đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước.

- Khoản 1 Điều 44 Luật Di sản văn hóa quy định “*Có sự bảo hiểm từ phía tiếp nhận di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia*” khi đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản. Tuy nhiên quy định này sẽ không khả thi trong một số trường hợp, như: di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia cần cấp thiết bảo quản trong khi cơ sở bảo quản ở nước ngoài không đồng ý chi trả bảo hiểm, còn cơ sở trong nước không có khả năng thực hiện; lãnh đạo Đảng, Nhà nước có chủ trương đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài để quảng bá phục vụ các hoạt động đối ngoại cấp nhà nước...

- Trong những năm gần đây, một số cổ vật có nguồn gốc Việt Nam đã được mua từ những cuộc đấu giá ở nước ngoài và đưa về nước. Tuy nhiên, hoạt động này còn tự phát và chưa có định hướng. Mặt khác, quá trình thực hiện gặp rất nhiều khó khăn, không thể thực hiện được bằng nguồn ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về tài chính.

- Cơ chế, chính sách về tiền thưởng cho những cổ vật được nhân dân phát hiện, giao nộp cho Nhà nước, đã có trong Luật Di sản văn hóa (Khoản 3 Điều 41). Tuy nhiên, trên thực tế người tìm được cổ vật thường không giao nộp cổ vật cho chính quyền mà bán cho người sưu tầm cổ vật vì thường được giá cao, lại nhanh gọn về thủ tục hơn khi giao nộp lại cho Nhà nước.

- Việc thực hiện quy định về đăng ký di vật, cổ vật cũng tiến hành rất chậm vì thẩm quyền được giao cho cơ quan quản lý nhà nước văn hóa, thể thao và du lịch cấp tỉnh, trong khi các cơ quan này thiếu chuyên gia, trang thiết bị giám định. Mặt khác, dù được nhiều quyền lợi (quy định tại khoản 3 Điều 42 Luật Di sản văn hóa) nhưng đa phần các tổ chức, cá nhân sở hữu di vật, cổ vật vẫn có tâm lý e dè, thận trọng.

Trong hoạt động thực tiễn, nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của các bảo tàng, cũng theo xu hướng phát triển kinh tế - xã hội, nhiều bảo tàng đã tăng cường hợp tác tổ chức các trưng bày chung, các sự kiện giới thiệu di sản văn hóa chung. Tuy nhiên, hoạt động này còn hạn chế do chưa có cụ thể các quy định về việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước.

Đối với các hợp tác trưng bày di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia nước ngoài, đặc biệt là các trưng bày trong khuôn khổ hợp tác song phương giữa hai quốc gia, việc bắt buộc có bảo hiểm “từ phía tiếp nhận” là khó thực hiện, phát sinh rào cản trong các cuộc thảo luận hợp tác về di sản văn hóa. Chưa tính đến các cuộc trưng bày do Lãnh đạo Đảng, Nhà nước yêu cầu thực hiện nhằm giới thiệu giá trị di sản văn hóa lâu đời của dân tộc (Bảo tàng Lịch sử quốc gia đưa cổ vật tham gia Triển lãm 2.500 năm giao lưu Á-Âu, tại Hội nghị cấp cao ASEM 8 tổ chức tại Vương quốc Bỉ năm 2010), thì việc bắt buộc có bảo hiểm “từ phía tiếp nhận” là không khả thi.

Trong xu hướng phát triển kinh tế - xã hội, các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp ngày càng có nhiều sự quan tâm đến di sản văn hóa, mong muốn tham gia góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Một số đã tự nguyện bỏ tiền mua cổ vật của Việt Nam đầu giá ở nước ngoài và hiến tặng cho các bảo tàng, di tích ở Việt Nam (Hai cổ vật là mũ quan đại thần và áo Nhật bình cung tần triều Nguyễn có niên đại cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 được một công ty tư nhân đầu giá thành công tại Tây Ban Nha và tặng cho tỉnh Thừa Thiên-Huế năm 2022). Tuy nhiên, các thủ tục hiện hành chưa cụ thể, chưa có tính khuyến khích và tôn vinh sự đóng góp của các cá nhân, tổ chức khi tham gia việc tìm kiếm, đầu giá, mua cổ vật của Việt Nam và đưa về nước. Đôi khi, thủ tục nhập khẩu còn gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc (không giảm thuế, quy vào mặt hàng đồ đã qua sử dụng...).

+ Về hoạt động bảo tàng:

Vai trò của bảo tàng trong phát triển kinh tế - xã hội ngày càng được nâng cao, các hoạt động của bảo tàng ngày càng được mở rộng, không chỉ còn khuôn khổ trong khuôn viên của bảo tàng và chủ động đến với công chúng, các trường học và các bảo tàng trong nước và quốc tế. Do vậy, cần có các quy định, định hướng mở cho các hoạt động của bảo tàng, đồng thời có quy định rõ ràng hơn về loại hình bảo tàng, thành lập bảo tàng để thuận tiện cho các bảo tàng trong hệ thống bảo tàng Việt Nam.

Để hoạt động bảo tàng thực sự có hiệu quả, phù hợp với các quy hoạch, chiến lược của Đảng và Nhà nước, khuyến khích nhiều hơn các nguồn lực của xã hội trong hoạt động bảo tàng, cần bổ sung các quy định nhằm tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước lĩnh vực bảo tàng. Hạn chế gánh nặng nhiệm vụ cho một số cấp quản lý, cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính, nhưng vẫn bảo đảm thống nhất công tác quản lý, tăng cường hiệu quả của các đầu tư, xây dựng bảo tàng.

Một số nội dung bất cập cụ thể như sau:

- Giáo dục là một trong những chức năng chính của bảo tàng, được xác định cả trong khoa học bảo tàng cũng như trên thực tế ở trên thế giới và Việt Nam. Tuy nhiên, khi sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa vào năm 2009, chức năng giáo dục không được đưa vào định nghĩa bảo tàng, dẫn đến bất cập khi triển khai hoạt động giáo dục trong hệ thống bảo tàng.

- Điều 49 Luật Di sản văn hóa quy định 3 điều kiện để thành lập bảo tàng. Tuy nhiên, quy định này chỉ đúng với mô hình thiết chế văn hóa là đơn vị sự nghiệp công lập, mà chưa phù hợp với loại bảo tàng công lập (được hình thành từ các sưu tập tư nhân). Mặt khác, cần phải tính đến sự xuất hiện loại hình bảo tàng số là một xu thế tất yếu trong bối cảnh của cuộc cách mạng 4.0.

- Khoản 2 Điều 47 Luật Di sản văn hóa phân chia 4 loại bảo tàng công lập dựa theo cấp quản lý. Tuy nhiên tiêu chí phân loại bảo tàng quốc gia và bảo tàng cấp tỉnh chưa rõ, dẫn đến chưa thể xác định những bảo tàng nào là bảo tàng quốc gia, còn ở cấp tỉnh là không rõ giữa bảo tàng tổng hợp và bảo tàng chuyên đề.

- Luật Di sản văn hóa quy định tại khoản 1 Điều 50: “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập bảo tàng cấp tỉnh theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch ở địa phương*” và quy định tại khoản 2 Điều này về hồ sơ thành lập bảo tàng cấp tỉnh có thành phần: “*văn bản của cơ quan có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch cấp tỉnh xác nhận đủ điều kiện quy định tại Điều 49 của Luật này*”. Quy định này khi vào thực tế có một số bất cập: 1) Chồng chéo nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch; 2) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về di sản văn hóa - lại không liên quan gì. Điều này dẫn tới có thể có những bảo tàng được thành lập không đúng với quy hoạch mạng lưới bảo tàng của cả nước, thậm chí không bảo đảm các điều kiện theo quy định.

- Đối với bảo tàng ngoài công lập, Điều 50 Luật Di sản văn hóa quy định giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép hoạt động và giao cơ quan có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch cấp tỉnh xác nhận đủ điều kiện. Các quy định nêu trên hoàn toàn đúng về thẩm quyền, tuy nhiên trong thực tế thực hiện thủ tục hành chính đã có sự chồng chéo trong việc cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập. Tổ chức, cá nhân sau khi nhận được văn bản xác nhận đủ điều kiện của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, sẽ gộp cùng các thành phần khác để gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xin cấp giấy phép hoạt động. Nhưng hồ sơ này sau đó sẽ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chuyển tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (vì việc trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định cấp phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập lại thuộc về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở này). Vấn đề ở đây là thẩm quyền và tính logic hoàn toàn đúng nhưng lại dẫn đến sự rườm rà về thủ tục hành chính.

- Luật Di sản văn hóa không quy định về thẩm quyền thẩm định đối với các dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình, dự án trưng bày nội thất, ngoài trời của bảo tàng công lập. Điều này mang lại sự chủ động cho các bộ, ngành, địa phương khi triển khai các dự án về bảo tàng. Tuy nhiên, trên thực tế, việc đầu tư cho trưng bày bảo tàng và kho bảo quản hiện vật chưa được chú trọng, còn khá phổ biến tình trạng chỉ chú trọng đầu tư cho phần công trình. Rất ít bảo tàng được xây dựng trên cơ sở các bộ sưu tập hiện vật gốc có khả năng phản ánh đầy đủ phạm vi và nội dung của bảo tàng. Nhiều bảo tàng đã triển khai xây dựng nhưng nội dung trưng bày vẫn còn trông chờ ở nhiều hiện vật sẽ sưu tầm. Số hiện vật hiện có cũng còn thiếu các thông tin khoa học nên khó thực hiện việc phát huy giá trị.

Trong hoạt động thực tiễn, bảo tàng là một trong những thiết chế văn hóa góp phần thực hiện các hoạt động giáo dục về di sản văn hóa rất tích cực, hiệu quả, một trong những thiết chế tham gia sâu trong thực hiện chính sách học tập suốt đời của Chính phủ. Do vậy, bổ sung cơ chế pháp lý cụ thể cho chức năng giáo dục của bảo tàng là cần thiết và phù hợp với thực tế, có tính khuyến khích cho các bảo tàng thực hiện nhiệm vụ.

Một số vướng mắc, chông chéo trong việc thành lập hoạt động bảo tàng công lập, cấp phép hoạt động bảo tàng công lập dẫn tới những hạn chế trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch- cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về di sản văn hóa. Đồng thời, việc thực hiện quy hoạch mạng lưới bảo tàng cả nước có nguy cơ thực hiện không đầy đủ, các bảo tàng công lập được cấp phép hoạt động không bảo đảm các điều kiện theo quy định, gây lãng phí và kém hiệu quả, các bảo tàng ngoài công lập không được khuyến khích hoạt động, khó khăn trong việc xin cấp phép hoạt động. Gần đây, Thành phố Hồ Chí Minh, dựa trên cơ chế đặc thù, đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thỏa thuận phân cấp cho Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện đồng thời cả hai thủ tục xác nhận điều kiện và cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập. Trên thực tế, vấn đề này đã thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân có nguyện vọng.

Bảo tàng là một thiết chế văn hóa đặc thù, khoa học bảo tàng được hình thành và phát triển nhiều thập kỷ qua. Do vậy, để xây dựng và hình thành một bảo tàng hoàn chỉnh cần có sự đồng bộ từ khâu nghiên cứu ban đầu, thiết kế công trình với các chức năng chuyên biệt của bảo tàng, sưu tầm, nội dung trưng bày, thiết kế trưng bày, giáo dục, truyền thông,... Các bước xây dựng công trình và nội dung, hình thức trưng bày cũng như các hoạt động chuyên môn chính của bảo tàng (sưu tầm, kiểm kê, bảo quản) cần có sự tham gia của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, định hướng nội dung nhiệm vụ phù hợp, bảo đảm các nguyên tắc khoa học bảo tàng, hạn chế đầu tư dự án bảo tàng theo mô hình công trình kiến trúc đơn thuần, vừa lãng phí kinh phí xây dựng công trình vừa thiếu đầu tư cho các hoạt động chuyên môn chính của bảo tàng (sưu tầm, bảo quản, trưng bày). Hiện tại đã có một số bảo tàng cấp tỉnh được đầu tư xây dựng công trình tòa nhà, nhưng nội dung trưng bày chưa thực sự hấp dẫn, do thiếu hiện vật gốc, đã trưng bày quá nhiều bản sao và tài liệu khoa học phụ mang tính chất minh họa các vấn đề lịch sử, văn hóa một cách giản đơn. Hiện nay, có không ít bảo tàng chỉ xây dựng được “vỏ” nhà, qua nhiều năm đã xuống cấp mà không có trưng bày.

c) Vấn đề 03: *Pháp luật hiện hành chưa có quy định về di sản tư liệu*

Sự xuất hiện của loại hình di sản tư liệu và nhu cầu quản lý ở Việt Nam xuất hiện sau khi chúng ta tham gia vào Chương trình Ký ức Thế giới của UNESCO từ năm 2007 - 15 năm là quốc gia thành viên tham gia Chương trình nhưng di sản tư liệu chưa có hành lang pháp lý để bảo vệ và phát huy giá trị. Từ năm 2015, Hướng dẫn Bảo vệ Di sản tư liệu đã được Ủy ban Chương trình Ký ức Thế giới của UNESCO chuyển thành Khuyến nghị và theo định hướng đề xuất lên Công ước hoàn chỉnh trong thời gian tới. Hiện, 07 Di sản tư liệu của Việt Nam đã được UNESCO ghi danh là động lực không nhỏ thúc đẩy việc xác định giá trị, quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của Di sản tư liệu ở Việt Nam. Tuy nhiên, Di sản tư liệu là loại hình di sản mới ở Việt Nam nên vẫn còn nhiều vấn đề còn đang bỏ ngỏ, cụ thể như sau:

- Việc nhận thức về tầm quan trọng của công tác nhận diện và xác định giá trị Di sản tư liệu chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến công tác bảo vệ Di sản tư liệu chưa bài bản, thống nhất.

Di sản tư liệu là loại hình thuộc di sản văn hóa nhưng chưa được quy định bởi bất kỳ luật nào trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Nhiều quốc gia trên thế giới quy định Di sản tư liệu trong Luật Di sản văn hóa (ví dụ: Pháp, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc). Trong thời gian tới, Di sản tư liệu của Việt Nam sẽ tiếp tục được UNESCO xem xét, ghi danh cấp khu vực và thế giới và ngày càng có xu hướng gia tăng. Di sản tư liệu của Việt Nam ở các địa phương, gia đình và dòng họ... đa dạng về loại hình, tài liệu, tư liệu rất tiềm năng, cũng có di sản tư liệu có nguy cơ bị mai một, biến mất...

Việc mất mát, thất lạc tài liệu có giá trị do nhiều nguyên nhân từ lịch sử để lại như chiến tranh, thiên tai, điều kiện tự nhiên (thời tiết, côn trùng, nấm mốc)... và do cả hạn chế về nhận thức của con người gây nên (sự thay thế của triều đại này bằng triều đại khác cũng có thể là nguyên nhân làm cho một số tài liệu có giá trị bị tiêu hủy...). Vì vậy, di sản tư liệu cần được kiểm kê, bảo vệ và phát huy giá trị di sản trên thực tiễn và thống nhất hoạt động quản lý.

- Cơ quan có chức năng bảo tồn di sản văn hóa nói chung, trong đó có những nơi lưu giữ Di sản tư liệu nói riêng được thành lập, cải tạo, mở rộng thành một hệ thống cơ quan chuyên môn khá đa dạng về loại hình hoạt động, bao gồm: hệ thống các Lưu trữ lịch sử từ Trung ương đến địa phương; các lưu trữ hiện hành trong các cơ quan, đơn vị; các lưu trữ tư nhân, cá nhân; hệ thống bảo tàng quốc gia và bảo tàng địa phương (còn có cả các loại hình bảo tàng ngoài công lập); hệ thống thư viện quốc gia, thư viện địa phương, thư viện trong các cơ quan nghiên cứu, trường học... Sự đa dạng này là nguyên nhân khiến cho việc thống kê, nhận diện, phân loại Di sản tư liệu trong nước không hề dễ dàng.

- Việc quy hoạch tổng thể ngắn hạn, dài hạn, các quan điểm và mục tiêu chiến lược cho việc bảo vệ và phát huy giá trị Di sản tư liệu còn chưa được đề ra, chưa định hướng được con đường cụ thể và các tiêu chí xác nhận giá trị chặt chẽ cho Di sản tư liệu Việt Nam, đặc biệt là các Di sản tư liệu khu vực và thế giới. Lĩnh vực quản lý nhà nước về Di sản tư liệu ở Việt Nam hiện đang trong quá trình hoàn thiện nhằm giải quyết sự chòng chéo hoạt động, xây dựng quy trình phối hợp chặt chẽ để phân định trách nhiệm giữa các cơ quan như: Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Ủy ban UNESCO Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Di sản văn hóa), Bộ Nội vụ (Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước)... Vì vậy, việc xây dựng chính sách, bảo đảm nhà nước quản lý thống nhất về hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu của Việt Nam.

- Kinh phí dành cho công tác bảo vệ, phát huy giá trị Di sản tư liệu, đặc biệt là Di sản tư liệu khu vực và thế giới còn hạn chế so với tiềm năng và nhu cầu thực tế của di sản. Việc tuyên truyền, giáo dục thông qua nội dung Di sản tư liệu còn rời rạc, manh mún, chưa có tiếng nói hòa chung với di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể.

- Các Di sản tư liệu quay có giá trị hiện nay của nước ta phần lớn là tài liệu được thể hiện bằng chữ Hán - Nôm, đây chính là một khó khăn, trở ngại lớn đối với những người làm công tác di sản cũng như công chúng khi tiếp cận với di sản. Nếu không biết, không giỏi chữ Hán - Nôm thì cán bộ chuyên môn cũng như độc giả không thể đọc trực tiếp để hiểu nội dung tài liệu gốc, từ đó không thể bóc tách, xác định được chính xác các lớp giá trị bên trong nội dung tài liệu đã phản ánh.

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực làm công tác bảo quản, phục chế tài liệu tại các cơ sở đào tạo của Việt Nam còn nặng về lý thuyết, thiếu tính thực tiễn. Do đó, khi vào làm việc thực tế tại các bảo tàng, thư viện, lưu trữ sẽ khó bắt nhịp với thực tiễn công việc và phải mất một thời gian dài làm quen, thậm chí phải đào tạo lại.

Sự thiếu những quy định pháp Luật về di sản tư liệu khiến cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị loại hình di sản này gặp rất nhiều khó khăn. Hầu hết các hoạt động mới chỉ dừng lại ở mức độ lập hồ sơ đề nghị UNESCO vinh danh, các hoạt động sưu tầm, kiểm kê, nhận diện, bảo quản, phát huy giá trị... chưa có cơ chế, hành lang pháp lý để triển khai đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

1) Bổ sung quy định về việc triển khai các biện pháp bảo vệ phù hợp (như lập và triển khai kế hoạch, chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản...) sau khi di sản được kiểm kê, xếp hạng di tích các cấp, đưa vào các danh sách của UNESCO, Danh mục di sản văn hóa quốc gia, công nhận bảo vật quốc gia..., có chính sách đảm bảo cơ chế thực thi nhằm tăng cường bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

2) Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa di sản văn hóa, trong đó quy định việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số là một trong những biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa để sớm hoàn thành việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa nhằm đáp ứng yêu cầu về xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử.

2) Bổ sung nội dung quản lý nhà nước về di sản tư liệu vào Luật Di sản văn hóa nhằm đảm bảo tính phù hợp, đồng bộ, thống nhất trong quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- **Giải pháp 1:** Giữ nguyên quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong Luật hiện hành.

- **Giải pháp 2:** Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định nhằm bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa theo hướng:

+ Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống khái niệm liên quan, các quy định chung nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc nhận diện, xác định giá trị các mặt của di sản văn hóa để tiến hành các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị.

+ Bổ sung quy định về việc triển khai các biện pháp bảo vệ phù hợp (như lập và triển khai kế hoạch, chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản...) sau khi di sản được kiểm kê, xếp hạng di tích các cấp, đưa vào các danh sách của UNESCO, Danh mục di sản văn hóa quốc gia, công nhận bảo vật quốc gia..., có chính sách đảm bảo cơ chế thực thi nhằm tăng cường bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

+ Bổ sung quy định tước bỏ quyết định xếp hạng hoặc đưa ra khỏi các danh sách đối với di sản văn hóa sau khi được xếp hạng di tích các cấp, đưa vào các danh mục quốc gia khi xét thấy di sản không hoặc không còn đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí theo quy định của Luật.

+ Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định mang tính đặc thù phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo loại hình, lĩnh vực và các hoạt động cụ thể (di sản văn hóa phi vật thể, di sản văn hóa vật thể: di tích; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu và hoạt động bảo tàng). Cụ thể:

1) Đưa quy định phân loại di sản văn hóa phi vật thể vào Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) để nâng cao hiệu lực pháp lý; quy định rõ biện pháp đặc thù bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đối với từng loại hình cụ thể; gắn kết hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong mục tiêu tổng thể (bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa bao quát hai mặt giá trị vật thể và phi vật thể); hoàn thiện quy định đặc thù đối với hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể theo loại hình; xây dựng cơ chế ưu đãi đối với người thực hành, nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể nhằm khuyến khích, huy động các tổ chức, cá nhân tích cực hơn nữa trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

2) Hoàn thiện quy định về di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo hướng: Bổ sung quy định về thẩm quyền và thủ tục đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước; sửa đổi, bổ sung quy định “*Có sự bảo hiểm từ phía tiếp nhận di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia*” khi đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản. Phù hợp với các hoạt động thực tiễn trong công tác bảo quản, trưng bày di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ở nước ngoài hoặc trong trường hợp Nhà nước có chủ trương đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài để quảng bá phục vụ các hoạt động đối ngoại cấp nhà nước; bổ sung quy định nhằm tạo cơ chế khuyến khích (bằng nhiều hình thức) để các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước tích cực tham gia các hoạt động đấu giá ở nước ngoài và “*hồi hương*” các cổ vật có nguồn gốc Việt Nam; sửa đổi, bổ sung quy định về khen thưởng cho người dân khi phát hiện, giao nộp cổ vật cho Nhà nước, nhằm khuyến khích người dân giao nộp cổ vật cho nhà nước và tránh thất thoát tài sản của nhà nước; bổ sung cơ chế để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tự nguyện đăng ký di vật, cổ vật thuộc sở hữu của mình.

3) Hoàn thiện các quy định về bảo tàng theo hướng: Bổ sung chức năng giáo dục của bảo tàng; quy định mở cho việc thành lập bảo tàng ngoài công lập;

sửa đổi, bổ sung để xác định cụ thể về mô hình và mạng lưới bảo tàng Việt Nam để xác định rõ bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành và bảo tàng tổng hợp cấp tỉnh; giao thẩm quyền cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận điều kiện thành lập cho bảo tàng cấp tỉnh như đối với bảo tàng chuyên ngành thuộc đơn vị trực thuộc theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị trực thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương. Hạn chế chồng chéo nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch và bảo đảm các bảo tàng được thành lập đúng với quy hoạch mạng lưới bảo tàng của cả nước, đủ các điều kiện theo quy định; sửa đổi, bổ sung theo hướng gộp 2 thủ tục và giao thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động cho bảo tàng ngoài công lập cho cơ quan có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch cấp tỉnh nhằm tăng tính chủ động, tăng cường phân cấp quản lý nhà nước về di sản văn hóa cho địa phương và đơn giản hóa thủ tục hành chính; quy định trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc thẩm định các dự án xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hoặc chỉnh lý tổng thể trưng bày của các bảo tàng; đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan.

4) Bổ sung các quy định nhằm điều chỉnh di sản tư liệu như: giao Chính phủ quy định chi tiết việc lựa chọn tài liệu lưu trữ quý, hiếm để đăng ký vào chương trình, danh hiệu của quốc gia, khu vực và thế giới; việc thống kê, bảo quản, phát huy giá trị Di sản tư liệu của Việt Nam; giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về Di sản tư liệu; quy định việc làm bản sao Di sản tư liệu; quy định về quyền lợi của tổ chức, cá nhân sở hữu Di sản tư liệu đã đăng ký; Quyền lợi của tổ chức, cá nhân sở hữu Di sản tư liệu được công nhận danh hiệu của khu vực và thế giới...

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong Luật hiện hành:

4.1.1. Tác động tích cực:

- Tác động về kinh tế: Không phát sinh chi phí về xây dựng văn bản quy pháp luật cho Nhà nước.
- Tác động về xã hội: Không gây tác động mới cho xã hội.
- Tác động về hệ thống pháp luật: Không phát sinh quy định mới của pháp luật.
- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.
- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

4.1.2. Tác động tiêu cực:

- Tác động về kinh tế: Trên thực tế, các di tích, danh lam thắng cảnh sau khi được xếp hạng, ghi danh và được tu bổ, tôn tạo đã trở thành địa chỉ đỏ trong việc thu hút ngày càng đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế tới tham quan, nghiên cứu. Các số liệu thống kê đã chỉ ra sự đóng góp to lớn của di sản

thế giới trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của quốc gia và địa phương kể từ khi được UNESCO ghi danh. Nguồn thu từ ngành du lịch và dịch vụ thương mại nói chung, từ các Di sản thế giới nói riêng đã đóng góp đáng kể vào tổng GDP của các địa phương có Di sản thế giới. Tuy nhiên, nếu vẫn giữ nguyên các quy định về bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa như hiện nay thì sẽ không tạo được điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, từ đó làm giảm sức hấp dẫn của các di tích, hạn chế khả năng khai thác giá trị kinh tế từ di tích.

- Tác động về xã hội: Nhận thức chung về vị trí, vai trò, giá trị của di sản văn hóa trong toàn xã hội khó được nâng cao, không tạo ra điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích, di vật, bảo vật quốc gia và di sản tư liệu, không thể chế hóa được chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về bảo vệ và phát huy giá trị của di tích...

- Tác động về hệ thống pháp luật: Hệ thống pháp luật về di sản văn hóa không bảo đảm được tính đầy đủ, khả thi do một số vấn đề chưa có quy định điều chỉnh hoặc tuy đã có quy định điều chỉnh nhưng không còn phù hợp với thực tiễn như đã nêu tại mỗi vấn đề ở trên. Di sản tư liệu không có quy định pháp luật mang tính đặc thù để điều chỉnh.

- Tác động về thủ tục hành chính: Tuy phương án 1 không làm phát sinh thủ tục hành chính nhưng trên thực tế sẽ không có cơ sở pháp lý để thực hiện một số thủ tục như: thủ tục thu hồi, bãi bỏ quyết định xếp hạng di tích các cấp, quyết định đưa di sản văn hóa ra khỏi các danh sách; thủ tục đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước; các thủ tục liên quan đến công nhận, hủy bỏ công nhận đối với di sản tư liệu... Bên cạnh đó, những bất cập trong thủ tục hành chính hiện hành (như sự chồng chéo trong việc cấp giấy phép bảo tàng ngoài công lập, sự rườm rà trong các thủ tục hành chính...) sẽ không được giải quyết.

- Tác động về giới: Không có.

4.2. Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định nhằm bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa theo hướng:

+ Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống khái niệm liên quan, các quy định chung nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc nhận diện, xác định giá trị các mặt của di sản văn hóa để tiến hành các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị.

+ Bổ sung quy định về việc triển khai các biện pháp bảo vệ phù hợp (như lập và triển khai kế hoạch, chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản...) sau khi di sản được kiểm kê, xếp hạng di tích các cấp, đưa vào các danh sách của UNESCO, Danh mục di sản văn hóa quốc gia, công nhận bảo vật quốc gia..., có chính sách đảm bảo cơ chế thực thi nhằm tăng cường bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

+ Bổ sung quy định tước bỏ quyết định xếp hạng hoặc đưa ra khỏi các danh sách đối với di sản văn hóa sau khi được xếp hạng di tích các cấp, đưa vào các danh

mục quốc gia khi xét thấy di sản không hoặc không còn đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí theo quy định của Luật.

+ Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định mang tính đặc thù phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo loại hình, lĩnh vực và các hoạt động cụ thể (di sản văn hóa phi vật thể, di sản văn hóa vật thể: di tích; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu và hoạt động bảo tàng). Cụ thể:

1) Đưa quy định phân loại di sản văn hóa phi vật thể vào Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) để nâng cao hiệu lực pháp lý; quy định rõ biện pháp đặc thù bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đối với từng loại hình cụ thể; gắn kết hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong mục tiêu tổng thể (bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa bao quát hai mặt giá trị vật thể và phi vật thể); hoàn thiện quy định đặc thù đối với hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể theo loại hình; xây dựng cơ chế ưu đãi đối với người thực hành, nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể nhằm khuyến khích, huy động các tổ chức, cá nhân tích cực hơn nữa trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

2) Hoàn thiện quy định về di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo hướng: Bổ sung quy định về thẩm quyền và thủ tục đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước; sửa đổi, bổ sung quy định “*Có sự bảo hiểm từ phía tiếp nhận di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia*” khi đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản. Phù hợp với các hoạt động thực tiễn trong công tác bảo quản, trưng bày di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ở nước ngoài hoặc trong trường hợp Nhà nước có chủ trương đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài để quảng bá phục vụ các hoạt động đối ngoại cấp nhà nước; bổ sung quy định nhằm tạo cơ chế khuyến khích (bằng nhiều hình thức) để các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước tích cực tham gia các hoạt động đấu giá ở nước ngoài và “*hồi hương*” các cổ vật có nguồn gốc Việt Nam; sửa đổi, bổ sung quy định về khen thưởng cho người dân khi phát hiện, giao nộp cổ vật cho Nhà nước, nhằm khuyến khích người dân giao nộp cổ vật cho nhà nước và tránh thất thoát tài sản của nhà nước; bổ sung cơ chế để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tự nguyện đăng ký di vật, cổ vật thuộc sở hữu của mình.

3) Hoàn thiện các quy định về bảo tàng theo hướng: Bổ sung chức năng giáo dục của bảo tàng; quy định mở cho việc thành lập bảo tàng ngoài công lập; sửa đổi, bổ sung để xác định cụ thể về mô hình và mạng lưới bảo tàng Việt Nam để xác định rõ bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành và bảo tàng tổng hợp cấp tỉnh; giao thẩm quyền cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận điều kiện thành lập cho bảo tàng cấp tỉnh như đối với bảo tàng chuyên ngành thuộc đơn vị trực thuộc theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị trực thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương. Hạn chế chồng chéo nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch và bảo đảm các bảo tàng được thành lập đúng với quy hoạch mạng lưới bảo tàng của cả

nước, đủ các điều kiện theo quy định; sửa đổi, bổ sung theo hướng gộp 2 thủ tục và giao thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động cho bảo tàng ngoài công lập cho cơ quan có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch cấp tỉnh nhằm tăng tính chủ động, tăng cường phân cấp quản lý nhà nước về di sản văn hóa cho địa phương và đơn giản hóa thủ tục hành chính; quy định trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc thẩm định các dự án xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hoặc chỉnh lý tổng thể trưng bày của các bảo tàng; đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan.

4) Bổ sung các quy định nhằm điều chỉnh di sản tư liệu như: giao Chính phủ quy định chi tiết việc lựa chọn tài liệu lưu trữ quý, hiếm để đăng ký vào chương trình, danh hiệu của quốc gia, khu vực và thế giới; việc thống kê, bảo quản, phát huy giá trị Di sản tư liệu của Việt Nam; giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về Di sản tư liệu; quy định việc làm bản sao Di sản tư liệu; quy định về quyền lợi của tổ chức, cá nhân sở hữu Di sản tư liệu đã đăng ký; Quyền lợi của tổ chức, cá nhân sở hữu Di sản tư liệu được công nhận danh hiệu của khu vực và thế giới...

4.2.1. Tác động tích cực

- Tác động về kinh tế: Việc hoàn thiện các quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa sẽ tạo cơ sở pháp lý để thúc đẩy hoạt động bảo vệ di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội tốt hơn. Di sản văn hóa được bảo vệ tốt sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác để tạo ra những sản phẩm văn hóa phục vụ đắc lực cho phát triển du lịch nói chung và du lịch văn hóa nói riêng, góp phần giải quyết nhu cầu việc làm, tạo thu nhập ổn định cho cộng đồng các dân tộc ở các địa phương trên cả nước, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế - xã hội của các địa phương và của cả nước. Có thể minh chứng điều này qua trường hợp Khu phố cổ Hội An, với việc chính quyền và nhân dân thành phố Hội An đã đẩy mạnh hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị Di sản thế giới và đã đạt được những kết quả nổi bật, đặc biệt là việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển du lịch - dịch vụ và thương mại trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Với số lượng khách tham quan Khu phố cổ Hội An ngày càng tăng, từ gần 879 nghìn khách năm 2006 đến năm 2019 đã tăng lên gần 2,5 triệu lượt. 20 năm qua (từ khi trở thành Di sản thế giới) ngành kinh tế này đã tăng vượt bậc và hiện chiếm tỷ trọng hơn 70% so với GDP toàn thành phố. Các nguồn thu này đã giúp bổ sung phần đáng kể vào nguồn tài chính dành cho các chi phí địa phương trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế, an ninh và cho chính việc bảo tồn Di sản thế giới Khu phố cổ Hội An.

- Tác động về xã hội: Khi nhận thức chung của toàn xã hội về vị trí, vai trò, giá trị của di sản văn hóa có cơ hội được cải thiện, ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong xã hội cũng được cải thiện theo. Thực hiện tốt việc bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa sẽ mang lại những tác động tích cực về xã hội như:

+ Việc hoàn thiện các quy định về bảo vệ, phát huy giá trị văn hóa dân tộc sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhận diện, nâng cao nhận thức chung của toàn xã hội về vị trí, vai trò, giá trị của di sản văn hóa. Qua đó, khuyến khích được các tổ chức, cá nhân, các lực lượng xã hội tích cực tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo nguyên tắc thống nhất, biện pháp phù hợp, đồng thời cũng tạo ra điều kiện thuận lợi để người dân cùng được hưởng lợi từ di sản văn hóa.

+ Quy định mới về chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân, người thực hành di sản tạo điều kiện cho họ có thêm điều kiện thuận lợi để thực hành, trao truyền di sản văn hóa, giữ gìn, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa của cộng đồng, góp phần đảm bảo quyền văn hóa của mọi công dân.

+ Việc hoàn thiện các quy định về di tích sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho toàn xã hội tích cực tham gia được bảo vệ và phát huy giá trị di tích, tạo điều kiện thuận lợi cho việc duy trì các sinh hoạt văn hóa liên quan, đặc biệt là di sản văn hóa phi vật thể, đồng thời còn có tác dụng tăng cường sự gắn kết, liên kết xã hội.

+ Các quy định về di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia được hoàn thiện sẽ khuyến khích các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước tích cực tham gia các hoạt động đấu giá ở nước ngoài và “hồi hương” các cổ vật có nguồn gốc Việt Nam.

+ Việc hoàn thiện các quy định về bảo tàng sẽ tăng cường chất lượng hoạt động trưng bày và giáo dục của bảo tàng, góp phần nâng cao hiệu quả trong việc phổ biến tri thức về lịch sử, khoa học, văn hóa, nghệ thuật tới đông đảo công chúng.

+ Việc luật hóa hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu sẽ góp phần không nhỏ cho công tác tuyên truyền văn hóa đọc, nâng cao tinh thần ham học, giáo dục truyền thống lịch sử, phát huy bản sắc dân tộc: Từ nội dung đơn giản giáo dục về lịch sử, địa lý, truyền thống hiếu học hay những câu chuyện về đạo làm người... cho các lứa tuổi học sinh trong sách giáo khoa của Mộc bản trường Phúc Giang; đến triết lý sử dụng nhân tài đất nước như “hiền tài là nguyên khí quốc gia” trên Bia Tiến sĩ Văn Miếu Thăng Long; hay những chặng đường hình thành lịch sử của Phật giáo và những đúc kết từ hiện thực cuộc sống về các bài thuốc dân gian, đánh dấu sự phát triển của y học, khoa học... chứa đựng trong Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm. Ngoài ra, Di sản tư liệu còn góp phần quan trọng trong việc xác định và bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải của Tổ quốc, nghiên cứu tổ chức, bộ máy điều hành của triều đại phong kiến (Mộc bản triều Nguyễn, Châu bản triều Nguyễn, Hoàng Hoa sứ trình đồ - Hành trình đi sứ Trung Hoa).

- Tác động về hệ thống pháp luật: Hệ thống pháp luật về di sản văn hóa được hoàn thiện, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, đầy đủ, khả thi; khắc phục được những hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật hiện hành và giải quyết được những bất cập trong thực tiễn thi hành pháp luật.

- Tác động về thủ tục hành chính:

+ Khắc phục được những bất cập trong thủ tục hành chính hiện hành.

+ Đối với các thủ tục hành chính sẽ phát sinh: xét trên góc độ quản lý và thi hành pháp luật, việc quy định đầy đủ thủ tục hành chính sẽ tạo sự rõ ràng, minh bạch về trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện để giải quyết các công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức. Mặt khác, do hướng đến mục tiêu cải cách hành chính nên các quy định về thủ tục hành chính sẽ được quy định theo hướng đơn giản hóa để tổ chức, cá nhân thực hiện.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

4.2.2. Tác động tiêu cực

- Tác động về kinh tế: Giải pháp này làm phát sinh chi phí như: kinh phí để lập và triển khai kế hoạch, chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản... sau khi di sản được kiểm kê, xếp hạng di tích các cấp, đưa vào các danh sách của UNESCO, Danh mục di sản văn hóa quốc gia, công nhận bảo vật quốc gia...; kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân; kinh phí để thực hiện chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước tham gia các hoạt động đầu tư ở nước ngoài và “hồi hương” các cổ vật có nguồn gốc Việt Nam; kinh phí khen thưởng cho người dân khi phát hiện, giao nộp cổ vật cho Nhà nước... Tuy nhiên, trong dài hạn, những giá trị kinh tế mà giải pháp này mang lại sẽ lớn hơn rất nhiều so với những chi phí nêu trên.

- Tác động về xã hội: Không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Giải pháp này sẽ làm phát sinh các thủ tục hành chính mà hiện nay chưa có như: thủ tục thu hồi, bãi bỏ quyết định xếp hạng di tích các cấp, quyết định đưa di sản văn hóa ra khỏi các danh sách; thủ tục đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước; các thủ tục liên quan đến công nhận, hủy bỏ công nhận đối với di sản tư liệu.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 giải pháp trên, giải pháp 2 là giải pháp mang lại những tác động tích cực lớn nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất, có tác động tích cực đối với hệ thống pháp luật hơn cả và mang lại tác động tích cực về thủ tục hành chính. Do đó, đề xuất chọn lựa giải pháp 2 cho việc sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa. Thẩm quyền ban hành là Quốc hội.

II. Chính sách 2: Hoàn thiện các quy định về thực hiện phân cấp quản lý nhà nước về di sản văn hóa phù hợp với thực tiễn

1. Xác định vấn đề bất cập

Trong quản lý nhà nước nói chung, việc phân cấp quản lý có vai trò đặc biệt quan trọng, dựa trên các nguyên tắc phù hợp và thống nhất; phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp và đảm bảo không chồng chéo; phù hợp với đặc thù và khả năng thực tế; đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa quản lý theo ngành, lĩnh vực với quản lý theo lãnh thổ; phù

hợp với điều kiện, trình độ quản lý và khả năng tiếp nhận phân cấp của địa phương, bảo đảm nguyên tắc hiệu quả; tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, trong thực tiễn, hoạt động phân cấp quản lý nhà nước về di sản văn hóa chưa mang tính thống nhất và đồng bộ cao. Việc phân cấp đã được Luật hóa (Điều 74 và Điều 55) nhưng còn thiếu cơ chế, chính sách để triển khai đồng bộ, đảm bảo thực thi có hiệu quả:

- Chưa quy định cụ thể và đầy đủ về trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

- Chưa quy định cụ thể về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong thực hiện việc quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở địa phương.

Theo quy định Điều 55 của Luật, việc phân công trách nhiệm trong quản lý nhà nước về di sản văn hóa được quy định như sau:

“1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm quản lý nhà nước về di sản văn hóa theo phân công của Chính phủ.

Chính phủ quy định cụ thể trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thực hiện việc quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở địa phương theo phân cấp của Chính phủ”¹³.

Ngoài ra, trong một số điều khoản khác, Luật cũng đã trực tiếp quy định trách nhiệm của: Chính Phủ (các Điều: 26, 34, 36, 41, 51, 74); Thủ tướng Chính phủ (các Điều: 19, 30, 31, 32, 33, 41...), Ủy ban nhân dân tỉnh (các Điều: 30, 31, 32, 33...), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (các Điều: 37, 38) và các tổ chức, cá nhân liên quan trong một số hoạt động cụ thể như: kiểm kê, lập hồ sơ di sản trình UNESCO đưa di sản văn hóa vào các danh sách của UNESCO, xếp hạng (di tích các cấp), đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, công nhận bảo vật quốc gia; quy hoạch tu bổ, tôn tạo di tích, khai quật khảo cổ, thành lập bảo tàng, xếp hạng bảo tàng...

Sau khi Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi bổ sung 2019 và Luật Tổ chức chính phủ năm 2015, sửa đổi bổ sung 2019 được ban hành, việc phân cấp quản lý nhà nước nói chung, quản lý di sản văn hóa nói riêng bị điều chỉnh bởi hai luật này. Thực tiễn cũng cho thấy, hiệu quả quản lý nhà nước về phân cấp gắn liền với việc phân quyền, trong khi việc phân quyền cho các cấp chính

¹³ Văn bản hợp nhất Luật Di sản văn hóa

quyền địa phương phải được quy định trong luật. Vì vậy mà một số nội dung về phân cấp quản lý về di sản văn hóa rất khó triển khai trong thực tiễn.

Việc khuyết thiếu những quy định cụ thể về phân cấp quản lý đã dẫn đến hiện tượng, trong một số trường hợp, rất khó xác định và quy trách nhiệm cụ thể cho từng tổ chức, cá nhân trong quản lý nhà nước về di sản văn hóa, dẫn đến tình trạng di sản văn hóa chưa khẳng định được mạnh mẽ vị trí, vai trò, giá trị của nó trong đời sống xã hội, một số di sản văn hóa vẫn phải đối diện với nguy cơ mai một, hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa chưa được cải thiện đáng kể.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Trên cơ sở yêu cầu của thực tiễn và quy định pháp luật liên quan hoàn thiện quy định của Luật Di sản văn hóa để thống nhất phân cấp quản lý nhà nước về di sản văn hóa theo hướng đồng bộ, cụ thể, rõ trách nhiệm, có chế tài thực thi:

- Thực hiện phân cấp gắn đảm bảo các nguyên tắc về phân cấp trên cơ sở quy định của pháp luật liên quan. Trong đó, có quy định cụ thể về nội dung phân quyền cho các cấp chính quyền địa phương.

- Quy định rõ cơ chế, nguyên tắc phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- **Giải pháp 1:** Giữ nguyên quy định về phân cấp trong Luật Di sản văn hóa.

- **Giải pháp 2:** Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định về phân cấp trên cơ sở thực tiễn và quy định pháp luật liên quan hoàn thiện quy định của Luật Di sản văn hóa để thống nhất phân cấp quản lý nhà nước về di sản văn hóa theo hướng đồng bộ, cụ thể, rõ trách nhiệm, đảm bảo cơ chế thực thi hiệu quả:

- Cụ thể hóa hơn nữa nội dung phân cấp và quy định kiểm tra, thanh tra, kiểm soát việc thực thi trong Luật và Nghị định hướng dẫn.

- Phân rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về di sản văn hóa tại Chương V Quản lý nhà nước về di sản văn hóa: Chính phủ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

- Quy định cụ thể, rõ hơn về nội dung trách nhiệm quản lý nhà nước, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh/thành phố, huyện xã về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong phạm vi địa phương; trách nhiệm ban hành quy định bảo vệ và phát huy giá trị di tích cũng như quy định phân cấp quản lý di sản theo loại hình, đảm bảo nguyên tắc nhất quán, dân chủ, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người dân được tiếp cận di sản văn hóa, được hưởng thụ các giá trị và tham gia hoạt động bảo tồn, phát huy, gìn giữ giá trị di sản văn hóa.

- Cụ thể hóa hơn nữa nội dung quy định về công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm soát việc thực thi các quy định của Luật Di sản văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành.

- Bổ sung những quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của các ban quản lý di tích, tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích. Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức được giao quản lý, bảo vệ di sản văn hóa.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chỉ đạo việc tổ chức kiểm kê, lập hồ sơ khoa học, quyết định ghi danh di sản tư liệu ở địa phương để bảo vệ và phát huy giá trị.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Kế hoạch bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể; phê duyệt, cấp kinh phí thực hiện, tổ chức thực hiện, quản lý các đề án, dự án; xây dựng các báo cáo bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở địa bàn tỉnh.

- Bổ sung quy định về phân cấp cho cơ quan quản lý văn hóa ở địa phương cấp giấy phép hoạt động cho bảo tàng ngoài công lập.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định về phân cấp trong Luật Di sản văn hóa:

4.1.1. Tác động tích cực:

- Tác động về kinh tế: Không phát sinh chi phí về xây dựng văn bản quy pháp luật cho Nhà nước.

- Tác động về xã hội: Không gây tác động mới cho xã hội.

- Tác động về hệ thống pháp luật: Không phát sinh quy định mới của pháp luật.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

4.1.2. Tác động tiêu cực:

- Tác động về kinh tế: Nếu quy định phân cấp được giữ nguyên, trong một số trường hợp, rất khó xác định được rõ và cụ thể về trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân, ủy ban nhân dân các cấp... trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Vì thế mà hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước không sao, dễ xảy ra hiện tượng làm sai lạc hoặc hủy hoại giá trị di sản, trong khi di sản văn hóa đang được xác định là nguồn tài nguyên quan trọng để phục vụ phát triển kinh tế du lịch. Việc làm sai lạc hoặc hủy hoại giá trị di sản cũng đồng nghĩa với việc không tạo được điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, từ đó làm giảm sức hấp dẫn của di sản, hạn chế khả năng khai thác giá trị kinh tế từ di tích.

- Tác động về xã hội: Không tạo được điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt quản lý nhà nước về di sản văn hóa. Khó khuyến khích, thu hút được các lực lượng xã hội tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Tác động về hệ thống pháp luật: Hệ thống pháp luật về di sản văn hóa không bảo đảm được tính đầy đủ, khả thi do nhiều vấn đề chưa có quy định điều chỉnh hoặc tuy đã có quy định điều chỉnh nhưng không còn phù hợp với thực tiễn hiện nay.

- Tác động về thủ tục hành chính: Tuy phương án 1 không làm phát sinh thủ tục hành chính nhưng trên thực tế sẽ không có cơ sở pháp lý để thực hiện việc phân cấp theo hướng thống nhất, khó quy trách nhiệm cụ thể cho các tổ chức, cá nhân trong quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

- Tác động về giới: Không có.

4.2. Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định về phân cấp trên cơ sở thực tiễn và quy định pháp luật liên quan hoàn thiện quy định của Luật Di sản văn hóa để thống nhất phân cấp quản lý nhà nước về di sản văn hóa theo hướng đồng bộ, cụ thể, rõ trách nhiệm, đảm bảo cơ chế thực thi hiệu quả:

- Cụ thể hóa hơn nữa nội dung phân cấp và quy định kiểm tra, thanh tra, kiểm soát việc thực thi trong Luật và Nghị định hướng dẫn.

- Phân rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về di sản văn hóa tại Chương V Quản lý nhà nước về di sản văn hóa: Chính phủ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

- Quy định cụ thể, rõ hơn về nội dung trách nhiệm quản lý nhà nước, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh/thành phố, huyện xã về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong phạm vi địa phương; trách nhiệm ban hành quy định bảo vệ và phát huy giá trị di tích cũng như quy định phân cấp quản lý di sản theo loại hình, đảm bảo nguyên tắc nhất quán, dân chủ, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người dân được tiếp cận di sản văn hóa, được hưởng thụ các giá trị và tham gia hoạt động bảo tồn, phát huy, gìn giữ giá trị di sản văn hóa.

- Cụ thể hóa hơn nữa nội dung quy định về công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm soát việc thực thi các quy định của Luật Di sản văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành.

- Bổ sung những quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của các ban quản lý di tích, tổ chức được giao quản lý, sử dụng di tích. Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức được giao quản lý, bảo vệ di sản văn hóa.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chỉ đạo việc tổ chức kiểm kê, lập hồ sơ khoa học, quyết định ghi danh di sản tư liệu ở địa phương để bảo vệ và phát huy giá trị.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Kế hoạch bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể; phê duyệt, cấp kinh phí thực hiện, tổ chức thực hiện, quản lý các đề án, dự án; xây dựng các báo cáo bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở địa bàn tỉnh.

- Bổ sung quy định về phân cấp cho cơ quan quản lý văn hóa ở địa phương cấp giấy phép hoạt động cho bảo tàng ngoài công lập..

4.2.1. Tác động tích cực

- Tác động về kinh tế: Việc hoàn thiện các quy định về phân cấp trong quản lý di sản văn hóa sẽ tạo cơ sở pháp lý để thúc đẩy hoạt động bảo vệ di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế-xã hội ở các cấp địa phương. Di sản văn hóa được bảo vệ tốt sẽ trở thành sản phẩm quan trọng phục vụ đắc lực phát triển du lịch nói chung và du lịch văn hóa nói riêng, góp phần giải quyết nhu cầu việc làm, tạo thu nhập ổn định cho cộng đồng các dân tộc ở các địa phương trên cả nước, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế – xã hội của các địa phương và của cả nước.

- Tác động về xã hội: Việc hoàn thiện các quy định phân cấp về quản lý di sản văn hóa sẽ tạo ra điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt quản lý nhà nước về di sản văn hóa, khuyến khích, thu hút, huy động được các lực lượng xã hội tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Tác động về hệ thống pháp luật: hệ thống pháp luật về di sản văn hóa được hoàn thiện, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, đầy đủ, khả thi; khắc phục được những hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật hiện hành và giải quyết được những bất cập trong thực tiễn thi hành pháp luật.

- Tác động về thủ tục hành chính:

+ Khắc phục được những bất cập trong thủ tục hành chính hiện hành.

+ Đối với các thủ tục hành chính sẽ phát sinh ít nhất trong góc độ khen thưởng và xử phạt: xét trên góc độ quản lý và thi hành pháp luật, việc quy định đầy đủ thủ tục hành chính sẽ tạo sự rõ ràng, minh bạch về trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện để giải quyết các công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức. Mặt khác, do hướng đến mục tiêu cải cách hành chính nên các quy định về thủ tục hành chính sẽ được quy định theo hướng đơn giản hóa để tổ chức, cá nhân thực hiện.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

4.2.2. Tác động tiêu cực

- Tác động về kinh tế: Giải pháp này làm phát sinh chi phí, cụ thể là kinh phí khen thưởng cho các nhân, cơ quan, đơn vị có thành tích tốt trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo phân cấp... Tuy nhiên, trong dài hạn, những giá trị kinh tế mà giải pháp này mang lại sẽ lớn hơn rất nhiều so với những chi phí nêu trên.

- Tác động về xã hội: Không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh các thủ tục hành chính.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 giải pháp trên, giải pháp 2 là giải pháp mang lại những tác động tích cực lớn nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất, có tác động tích cực đối với hệ thống pháp luật hơn cả và mang lại tác động tích cực về thủ tục hành chính. Do đó, đề xuất chọn lựa giải pháp 2 cho việc sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa. Thẩm quyền ban hành là Quốc hội.

III. Chính sách 3: Hoàn thiện các quy định về huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện tại, trong phạm vi cả nước đã có: 10.000 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, 3.591 di tích được xếp hạng di tích quốc gia và 123 di tích được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt; hơn 40.000 di tích và khoảng 70.000 di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê, 416 di sản được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; 08 di sản văn hóa và thiên nhiên được UNESCO vinh danh; 14 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO đưa vào các danh sách; 03 di sản tư liệu thế giới, 04 di sản tư liệu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Hệ thống bảo tàng gồm 187 bảo tàng (với 128 bảo tàng công lập và 59 bảo tàng ngoài công lập), đang bảo quản, trưng bày và phát huy giá trị hơn 4 triệu hiện vật. Cả nước cũng đã có 238 hiện vật, nhóm hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia qua 10 đợt xét duyệt...

Di sản văn hóa không phải là tài sản nhất thành bất biến, dẫn dễ chịu tác động, thậm chí bị hủy hoại bởi thiên nhiên, con người và tác động của kinh tế - xã hội. Trong khi, các biện pháp được áp dụng trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa lại mang tính đặc thù, phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, thiên về thủ công, chi phí cao nên nhu cầu kinh phí dành cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị là rất lớn.

Trong điều kiện kinh tế - xã hội nước ta, nguồn kinh phí do nhà nước bao cấp, đầu tư cho di sản văn hóa tương đối hạn hẹp, chủ yếu dành ưu tiên để đầu tư cho “các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt, bảo tàng quốc gia, bảo vật quốc gia, di tích lịch sử cách mạng và di sản văn hóa phi vật thể có giá trị tiêu biểu” (Điều 59). Đối với các di sản văn hóa còn lại, nhu cầu kinh phí đầu tư cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị cũng rất lớn, trực tiếp phụ thuộc vào nguồn huy động đóng góp của các lực lượng xã hội và các nguồn huy động, tài trợ hợp pháp khác...

Trong khi đó, các chính sách liên quan tới việc huy động nguồn lực xã hội bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa hiện nay, hầu như mới chỉ dừng ở mức độ khuyến khích. Hình thức khuyến khích cụ thể được Luật đưa ra là: “*Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa được*

khen thưởng theo quy định của pháp luật”¹⁴. Theo đó, việc khen thưởng được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng, với các hình thức thiên về động viên tinh thần, mang tính chất khích lệ nên hiệu quả huy động chưa cao.

Mặt khác, do tính đặc thù của từng loại hình di sản văn hóa, hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, việc huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho di tích có sức hút đối với xã hội, bởi phần lớn di tích ở nước ta gắn với tín ngưỡng, tôn giáo, việc đầu tư vào các di tích này cũng đồng nghĩa với việc người đầu tư gửi gắm niềm tin về tín ngưỡng, tôn giáo của chính họ. Ngoài ra, đối với di tích khảo cổ, di tích cách mạng, di sản văn hóa phi vật thể, hoạt động bảo tàng, việc huy động kinh phí đầu tư từ xã hội đang gặp rất nhiều khó khăn.

Tác động trực tiếp của việc thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích phù hợp để huy động nguồn lực trong xã hội dành cho bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa là: Do nhu cầu kinh phí cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa hằng năm là rất lớn, trong khi, nguồn đầu tư từ nhà nước lại có hạn, nguồn xã hội hóa rất khó huy động nên sức ép kinh phí dành cho di sản văn hóa đối với nhà nước ngày một gia tăng. Đó là nguyên nhân căn bản dẫn đến tình trạng thiếu kinh phí đầu tư cho di sản văn hóa kéo dài, khiến cho không ít di sản văn hóa phải đối diện với nguy cơ mai một, thậm chí phải đứng trước nguy cơ bị hủy hoại, công tác di sản văn hóa không tạo ra được nhiều điều kiện thuận lợi hơn cho sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương và của quốc gia.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn thiện quy định pháp luật để tạo cơ chế thuận lợi nhằm thu hút tổ chức, cá nhân và các lực lượng xã hội tích cực đầu tư kinh phí cho di sản văn hóa thông qua việc:

- Quy định rõ trách nhiệm của chủ sở hữu di sản văn hóa trong việc đầu tư kinh phí cho bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa do chính họ sở hữu, đồng thời, xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để chia sẻ lợi ích công bằng cho các đối tượng liên quan đối với nguồn thu từ di sản văn hóa khi tham gia đầu tư cho di sản văn hóa.

- Ban hành chính sách phù hợp để khuyến khích hợp tác trong bảo vệ phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Có chính sách khen thưởng, đãi ngộ kịp thời và miễn giảm thuế (đối với doanh nghiệp) tương xứng cho các đối tượng tích cực tham gia đóng góp kinh phí cho bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- ***Giải pháp 1:*** Giữ nguyên quy định về huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong Luật Di sản văn hóa.

- ***Giải pháp 2:*** Sửa đổi, bổ sung các quy định về huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong Luật Di sản văn hóa theo hướng:

¹⁴ Điều 69 Văn bản hợp nhất Luật Di sản văn hóa

- Quy định rõ trách nhiệm của chủ sở hữu di sản văn hóa trong việc đầu tư cho bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa do chính họ sở hữu, đồng thời, xây dựng cơ chế chế phù hợp để chia sẻ lợi ích công bằng cho các đối tượng liên quan đối với nguồn thu từ di sản văn hóa khi tham gia đầu tư.

- Ban hành chính sách phù hợp để khuyến khích hợp tác trong bảo vệ phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Có chính sách khen thưởng, đãi ngộ kịp thời và miễn giảm thuế (đối với doanh nghiệp) tương xứng cho các đối tượng tích cực tham gia đóng góp kinh phí cho bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên quy định về huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong Luật Di sản văn hóa:

4.1.1. Tác động tích cực:

- Tác động về kinh tế: Không phát sinh chi phí về xây dựng văn bản quy pháp pháp luật cho Nhà nước.

- Tác động về xã hội: Việc giữ nguyên những quy định về huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong Luật Di sản văn hóa cũng khiến cho nhận thức chung về giá trị, vai trò của di sản văn hóa trong xã hội không được cải thiện, ý thức, trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa không được nâng cao, công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa không giúp tạo ra động lực phát triển xã hội.

- Tác động về hệ thống pháp luật: Không phát sinh quy định mới của pháp luật.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

4.1.2. Tác động tiêu cực:

- Tác động về kinh tế: Việc giữ nguyên quy định về huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong Luật Di sản văn hóa không cải thiện được hiệu quả huy động nội lực trong các lực lượng xã hội đầu tư cho di sản văn hóa. Vì vậy, tình trạng thiếu kinh phí đầu tư cho di sản văn hóa cũng không được khắc phục kịp thời, di sản văn hóa đối diện với nguy cơ mai một hoặc bị hủy hoại. Điều này đồng nghĩa với việc, di sản văn hóa bị suy giảm giá trị, mất dần sự hấp dẫn, không tạo ra điều kiện thuận lợi cho việc khai thác các giá trị di sản văn hóa để phục vụ phát triển kinh tế, gây thất thoát và lãng phí nguồn tài nguyên di sản văn hóa.

- Tác động về xã hội: Không tạo được điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt quản lý nhà nước về di sản văn hóa. Khó khuyến khích, thu hút được các lực lượng xã hội tham gia đầu tư cho bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Tác động về hệ thống pháp luật: Hệ thống pháp luật về di sản văn hóa không bảo đảm được tính đầy đủ, khả thi do nhiều vấn đề chưa có quy định điều chỉnh hoặc tuy đã có quy định điều chỉnh nhưng không còn phù hợp với thực tiễn hiện nay.

- Tác động về thủ tục hành chính: Tuy phương án 1 không làm phát sinh thủ tục hành chính nhưng trên thực tế sẽ không có cơ sở thuận lợi để thực hiện tốt việc huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Tác động về giới: Không có.

4.2. Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung các quy định về huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong Luật Di sản văn hóa theo hướng:

- Quy định rõ trách nhiệm của chủ sở hữu di sản văn hóa trong việc đầu tư cho bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa do chính họ sở hữu, đồng thời, xây dựng cơ chế phù hợp để chia sẻ lợi ích công bằng cho các đối tượng liên quan đối với nguồn thu từ di sản văn hóa khi tham gia đầu tư.

- Ban hành chính sách phù hợp để khuyến khích hợp tác trong bảo vệ phát huy giá trị di sản văn hóa.

- Có chính sách khen thưởng, đãi ngộ kịp thời và miễn giảm thuế (đối với doanh nghiệp) tương xứng cho các đối tượng tích cực tham gia đóng góp kinh phí cho bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

4.2.1. Tác động tích cực

- Tác động về kinh tế: Việc hoàn thiện quy định pháp luật về huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo hướng trên sẽ tạo điều kiện phát huy tốt vai trò của chủ sở hữu trong việc đầu tư cho di sản văn hóa của chính họ. Mặt khác cũng tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi cho việc huy động nguồn vốn xã hội hóa đầu tư cho di sản văn hóa; chính sách khuyến khích, khen thưởng phù hợp giúp tạo ra được sức hút cho việc huy động kinh phí từ nguồn xã hội hóa; tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư cho di sản văn hóa được chia sẻ lợi nhuận cùng các bên liên quan từ chính việc đầu tư của họ. Việc khai thác hiệu quả các giá trị di sản sẽ tạo ra nguồn thu, công ăn việc làm, thúc đẩy kinh tế phát triển, di sản văn hóa cũng được bảo tồn tốt hơn thông qua việc tái đầu tư, áp lực về nguồn kinh phí đầu tư cho di sản văn hóa của nhà nước cũng dần được giảm tải.

- Tác động về xã hội: Việc hoàn thiện các quy định pháp luật về huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn sẽ thúc đẩy các lực lượng xã hội tích cực tham gia vào hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, qua đó, vị trí, vai trò, giá trị của di sản văn hóa ngày càng được khẳng định và ghi nhận rộng rãi trong toàn xã hội.

- Tác động về hệ thống pháp luật: Hệ thống pháp luật về di sản văn hóa được hoàn thiện, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, đầy đủ, khả thi; khắc phục

được những hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật hiện hành và giải quyết được những bất cập trong thực tiễn thi hành pháp luật.

- Tác động về thủ tục hành chính:

+ Khắc phục được những bất cập trong thủ tục hành chính hiện hành.

+ Đối với các thủ tục hành chính sẽ phát sinh, xét trên góc độ quản lý và thi hành pháp luật, việc quy định đầy đủ thủ tục hành chính sẽ tạo sự rõ ràng, minh bạch về trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện để giải quyết các công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức. Mặt khác, do hướng đến mục tiêu cải cách hành chính nên các quy định về thủ tục hành chính sẽ được quy định theo hướng đơn giản hóa để tổ chức, cá nhân thực hiện.

- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

4.2.2. Tác động tiêu cực

- Tác động về kinh tế: Giải pháp này làm phát sinh chi phí xây dựng và phổ biến quy định pháp luật. Tuy nhiên, khi công tác huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn được triển khai hiệu quả, di sản văn hóa được bảo tồn sẽ tạo điều thuận lợi cho việc khai thác giá trị di sản phục vụ phát triển kinh tế. Hiệu quả kinh tế mà nó mang lại sẽ lớn hơn rất nhiều so với nguồn kinh phí phải đầu tư cho việc hoàn thiện quy định pháp luật.

- Tác động về xã hội: Không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Hướng quy định đơn giản không gây ra những tác động tiêu cực trong thực hiện thủ tục hành chính

- Tác động về giới: Không có tác động về giới.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

So sánh 02 giải pháp trên, giải pháp 2 là giải pháp mang lại những tác động tích cực lớn nhất, thu được lợi ích kinh tế và tác động xã hội tốt nhất, có tác động tích cực đối với hệ thống pháp luật hơn cả và mang lại tác động tích cực về thủ tục hành chính. Do đó, đề xuất chọn lựa giải pháp 2 cho việc sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa. Thẩm quyền ban hành là Quốc hội.

PHẦN C

LẤY Ý KIẾN

Trong quá trình xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi), cơ quan đề xuất đã thành lập Tổ công tác gồm đại diện một số Bộ, ngành có liên quan để triển khai xây dựng và tổ chức lấy ý kiến về Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi), cụ thể như sau:

- Ngày tháng năm 2022, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đăng tải toàn văn các dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ (Công văn số...), Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Công văn số...), đồng thời đăng lên Trang thông tin điện tử của Cục Di sản văn hóa để lấy ý kiến rộng rãi đối với mọi đối tượng.

- Ngày tháng năm 2022, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có văn bản số đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Đài Truyền hình, Đài Phát thanh và Truyền hình các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị trong ngành Di sản văn hóa tham gia ý kiến vào dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách và các tài liệu kèm theo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi).

- Ngày..... tháng.....năm 2022, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức Hội nghị - Hội thảo lấy ý kiến góp ý đề nghị xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) tại để xin ý kiến góp ý của các đối tượng chịu sự tác động của chính sách, các nhà chuyên môn, nhà quản lý, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam.....

- Sau khi nhận được ý kiến góp ý, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ban, ngành có liên quan (có bản tổng hợp kèm theo) và hoàn thiện Hồ sơ.

- Ngày.....tháng.....năm 2022, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có Công văn số..... gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định Đề nghị xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi). Tiếp thu nội dung, ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định của Bộ Tư pháp, hồ sơ đã được chỉnh lý hoàn thiện trước khi có ý kiến chính thức.

- Căn cứ Báo cáo thẩm định hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) sốngày..... tháng..... năm 2022 của Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiếp thu chỉnh lý hồ sơ gửi Chính phủ cho ý kiến theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

PHẦN D

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

I. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về di sản văn hóa.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về di sản văn hóa.
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về di sản văn hóa.
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về di sản văn hóa tại địa phương.

II. Cơ quan giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách

- Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc các cấp có thẩm quyền có trách nhiệm giám sát việc thực hiện chính sách.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức đánh giá, theo dõi tình hình thực thi chính sách.
- Các tổ chức xã hội có quyền đánh giá thực thi chính sách làm căn cứ kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung.

PHẦN Đ KẾT LUẬN

Căn cứ vào đánh giá tác động của các nhóm chính sách nêu trên, việc ban hành Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) có lợi ích đối với việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, khắc phục được những bất cập hiện nay của Luật Di sản văn hóa; làm cơ sở cho các cơ quan quản lý nhà nước ban hành chính sách, pháp luật liên quan đến di sản văn hóa, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về di sản văn hóa; mặt khác cũng sẽ góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả thi hành các quy định của pháp luật.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất ban hành Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) thay thế cho Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (*để báo cáo*);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam (*để báo cáo*);
- Văn phòng Chính phủ (*để phối hợp*);
- Bộ Tư pháp (*để phối hợp*);
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Hùng;
- Thứ trưởng Hoàng Đạo Cương;
- Lưu: VT, DS, NT (120).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng